

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**(Kèm theo Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của UBND xã Đại Từ)**Đơn vị: 1000 đồng*

<b>NỘI DUNG THU</b>	<b>DỰ TOÁN</b>	<b>NỘI DUNG CHI</b>	<b>DỰ TOÁN</b>
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>136.415.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>136.415.000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%		I. Chi đầu tư phát triển	28.500.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ <sup>(1)</sup>		II. Chi thường xuyên	107.408.000
III. Thu bổ sung	136.415.000	III. Dự phòng	507.000
- Bổ sung cân đối	23.500.000		
- Bổ sung có mục tiêu	112.915.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

*Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã*

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**(Kèm theo Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của UBND xã Đại Từ)**Đơn vị: 1000 đồng*

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>175.647.000</b>	<b>137.415.000</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách trên địa bàn</b>	<b>38.232.000</b>	
1	Thu từ khu vực DNNN địa phương quản lý	24.000	
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	7.185.000	
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.000	
4	Lệ phí trước bạ	4.097.000	
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.191.000	
6	Phí & lệ phí	167.000	
7	Thu khác ngân sách	60.000	
8	Thu tiền thuê đất	-	
9	Tiền sử dụng đất	25.497.000	
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>		
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>		
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>137.415.000</b>	<b>137.415.000</b>
	- Thu bổ sung cân đối	23.500.000	23.500.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	113.915.000	113.915.000

UBND XÃ ĐẠI TỪ

Biểu số 110/CK TC-NSNN

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của UBND xã Đại Từ)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>107.915.000</b>		<b>107.915.000</b>
	Trong đó	-		
1	Chi công tác quốc phòng	2.372.000		2.372.000
2	Chi công tác an ninh	2.450.000		2.450.000
3	Chi giáo dục	70.494.000		70.494.000
4	Chi y tế	1.143.000		1.143.000
5	Chi văn hóa, thông tin	665.000		665.000
6	Chi phát thanh, truyền thanh	-		-
7	Chi thể dục, thể thao	-		-
8	Chi các hoạt động kinh tế	752.000		752.000
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	25.230.000		25.230.000
10	Chi cho công tác xã hội	4.301.000		4.301.000
11	Dự phòng	507.000		507.000

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND xã Đại Từ)*

Đơn vị: Triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12...	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/...	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>						<b>64.492</b>		<b>64.492</b>	
<b>1. Công trình chuyển tiếp</b>		<b>148.469</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>41.083</b>		<b>41.083</b>	
Trường THCS Mỹ Yên HM: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng học	2025	9.203				5.000		5.000	
Nâng cấp sửa chữa tuyến đường từ ĐT.263B (trần La Giai) đi trung tâm xã Mỹ Yên	2023-2025	14.713				1.389		1.389	
Khu xử lý rác thải số 1 huyện Đại Từ, hạng mục: Hồ Chôn lấp số 3 và các hạng mục phụ trợ	2024-2025	14.635				10.888		10.888	
Đường giao thông liên xã Mỹ Yên - Hoàng Nông - La Bằng - Phú Xuyên (Nâng cấp đoạn tuyến liên xã Khôi Kỳ - Hoàng Nông)	2024-2025	11.650				1.375		1.375	
Nâng cấp, cải tạo đập Bò Hòn, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ.	2024-2025	1.298				1.120		1.120	
Nâng cấp cải tạo Đập vai Hoan xã Khôi Kỳ	2024-2025	5.347				2.454		2.454	
Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lục Ba	2024-2025	8.090				3.500		3.500	
Đường giao thông nông thôn xã Lục Ba đoạn từ xóm Đầm Giáo đi đường trục liên xã Lục Ba - Mỹ Yên	2024-2025	4.768				2.524		2.524	
Cải tạo, mở rộng tuyến đường liên xã Lục Ba - Mỹ Yên (đoạn từ ngã ba đường trục xã đến cầu ông Hiên xã Lục Ba)	2024-2025	1.186				86		86	
8074913 - Xây dựng và lắp đặt đường điện chiếu sáng tại trung tâm các xã dọc trục đường ĐT 261 gồm Bình Thuận, Lục Ba, Kỳ Phú, Cát Nê	2024-2025	4.637				3.430		3.430	
8096235 - Khu tái định cư xã Bình Thuận phục vụ các dự án thu hồi đất trên địa bàn huyện Đại Từ (thuộc khu dân cư số 2, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ)	2024-2025	72.942				9.317		9.317	
<b>2. Công trình hoàn thành trong năm</b>		<b>63.289</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>17.686</b>		<b>17.686</b>	
Duy tu, sửa chữa các cầu treo trên địa bàn huyện		1.015				21		21	
Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ		544				77		77	
Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Mỹ Yên huyện Đại Từ	2024-2025	5.668				2025		2.025	
Nâng cấp, cải tạo nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học trường tiểu học Lục Ba	2024	417,64				37		37	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12...	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/...	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Trung tâm văn hoá - thể thao xã Lục Ba; hạng mục: Cải tạo đường vào sân lát gạch và các hạng mục phụ trợ	2024-2025	500				445		445	
Xây dựng sân thể thao xã Mỹ yên	2023-2025	12.000				457		457	
Mương thoát nước thải khu vực trung tâm xã Mỹ Yên huyện Đại Từ	2022-2024	2.332				466		466	
Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Yên	2021-2024	264				22		22	
Nhà văn hóa xóm Đông Khâm xã Mỹ Yên	2025	438				140		140	
Nhà văn hóa xóm La Giai	2024-2025	567				425		425	
Nhà văn hóa xóm Hà Việt	2024-2025	452				140		140	
Nhà văn hóa xóm Cao Chùa	2024-2025	441				140		140	
Nhà văn hóa xóm La Hồng	2024-2025	441				140		140	
Cải tạo nâng cấp chợ Mỹ Yên	2024-2025	837				326		326	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024 (gói 1)	2024-2025	283				166		166	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024 (gói 4)	2024-2025	255				165		165	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024 (gói 8)	2024 - 2025	239				153		153	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024 (gói 10)	2024-2025	295				127		127	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024 (gói 12)	2024-2025	258				139		139	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024 (gói 13)	2024-2025	105				66		66	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024 (gói 14)	2024-2025	401				252		252	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024 (gói 15)	2025	44				25		25	
Đường GTNT xã Mỹ Yên năm 2024 (gói 6)	2024-2025	106				50		50	
Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2023(gói 5)	2024	303				89		89	
Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2023(gói 1)	2024	1476				280		280	
Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2023(gói 6)	2024	94				28		28	
Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 2)	2024	637				180		180	
Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 3)	2024	355				102		102	
Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 5)	2024	454				150		150	
Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 9)	2024	108				36		36	
Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 11)	2024	147				49		49	
8069517 - Nâng cấp, mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ ĐT 263B đến ngã tư đi trụ sở UBND xã Khôi Kỳ)	2023-2025	5.000				1.299		1.299	
8060718 - Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ(Đoạn từ ngã tư UBND xã Khôi Kỳ đến ngã ba xóm Bãi Pháo xã Khôi Kỳ)	2023-2025	6.750				2270		2.270	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024 HM: Đường BTXM xóm Gò Lá	2024-2025	106				74		74	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12...	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/...	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024 HM: Đường BTXM xóm Gò Miều	2024-2025	702				301		301	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024 HM: Đường BTXM xóm Đồng Hoan	2024-2025	509				193		193	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024 HM: Đường BTXM xóm Hoà Bình	2024-2025	977				325		325	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024 HM: Đường BTXM xóm Cuốn Cờ	2024-2025	90				20		20	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024 HM: Đường BTXM xóm La Phác tuyến 2	2024-2025	280				146		146	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2025 HM: Đường BTXM xóm Hoà Bình	2025	297				67		67	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024 HM: Đường BTXM xóm Gò Vai	2024-2025	1167				504		504	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024 HM: Đường BTXM xóm Đồng Cà	2024-2025	172				35		35	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2025 HM: Đường BTXM xóm Cuốn Cờ	2025	69				16		16	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2025 HM: Đường BTXM xóm Góc Quéo	2025	288				65		65	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024 HM: Đường BTXM xóm Đức Long	2024-2025	146				37		37	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024 HM: Đường BTXM xóm Góc Quéo	2024-2025	631				202		202	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024 HM: Đường BTXM xóm La Phác	2024-2025	257				128		128	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024 HM: Đường BTXM xóm Gò Chòi	2024-2025	886				461		461	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024 HM: Đường BTXM xóm Gò Gia	2024-2025	554				125		125	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 3) HM: Đường BTXM xóm Gò Lá L =417m	2024-2025	129				46		46	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 4) HM: Đường BTXM xóm Gò Lá L =520m	2024-2025	260				161		161	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024(gói 4) HM: Đường BTXM xóm Phú Nghĩa	2024-2025	678				227		227	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024(gói 4) HM: Đường BTXM xóm Bãi Pháo	2024-2025	292				35		35	
XD đường GTNT xã Bình Thuận năm 2023 (Gói 1)	2024-2025	832				350		350	
XD đường GTNT xã Bình Thuận năm 2023 (Gói 2)	2024-2025	799				17		17	
XD đường GTNT xã Bình Thuận năm 2024 (Gói 1)	2024-2025	876				302		302	
XD đường GTNT xã Bình Thuận năm 2024 (Gói 2)	2024-2025	931,78				321		321	
XD đường GTNT xã Bình Thuận năm 2024 (Gói 3)	2024-2025	998				476		476	
XD đường GTNT xã Bình Thuận năm 2024 (Gói 4)	2024-2025	874				454		454	
XD đường GTNT xã Bình Thuận năm 2024 (Gói 5)	2024-2025	671				327		327	
Cải tạo, nâng cấp mương thoát nước khu vực trung tâm xã Bình Thuận	2023-2025	2800				970		970	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12...	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/...	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
XD đường GTNT xã Bình Thuận năm 2024 (Gói 5,6)	2024-2025	671				17		17	
Đường GTNT xã Lục Ba năm 2024(gói 1)	2024-2025	449				125		125	
Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Lục Ba huyện Đại Từ		207				207		207	
Xây dựng trụ sở BCH Quân sự xã Mỹ Yên HM: San nền	2024-2025	1464				464		464	
<b>3. Công trình khởi công mới</b>		<b>5.925</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.722</b>		<b>5.722</b>	
Xây dựng cầu ông Truyền xã Khôi Kỳ	2025	3.138				3.049		3.049	
Đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất cánh đồng công nghệ cao xóm Phú Nghĩa - Gò Thang xã Khôi Kỳ	2025	2.437				2.423		2.423	
Xây dựng đường GTNT xã Bình Thuận năm 2025	2025	350				250		250	

**KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**(Kèm theo Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của UBND xã Đại Từ)**Đơn vị: 1000 đồng*

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM 2025		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG SỐ</b>	0	0	0	0	0	0
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	0	0	0	0	0	0
-						
-						
-						
- ...						
2. Các hoạt động sự nghiệp	0	0	0	0	0	0
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						
...						

*Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi**Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi*